

Bản án số: 135/2020/HS-PT
Ngày: 04/3/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn

Các Thẩm phán:

1. Ông Bùi Đức Nam.
2. Ông Phạm Viết Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 83/2020/HSPT ngày 14/01/2020 đối với các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 94/2019/HSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 4.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Thị L, sinh năm 1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Phật; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh E và bà Đỗ Thị G(đều đã chết); không có chồng, có 01 con sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

2. Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: C13/16QC10 Tổ 240, Ấp 5A, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Võ Thị L (là bị cáo trong vụ án); không có chồng, có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Minh Hưng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Thị Thu H và Huỳnh M sống chung như vợ chồng tại nhà trọ số C13/16QC10 tổ 240 ấp 5A, xã C, huyện D, thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, còn có Võ Thị L và Võ Thị Cẩm T cùng ở ghép chung tại nhà trọ với O và M. Khoảng tháng 01 năm 2019, O và M bàn bạc với nhau sẽ đột nhập vào Công ty Cổ phần Truyền thông Số 1 tại số 226 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4 (nơi O đang làm tạp vụ) để không chế bảo vệ, chiếm đoạt tài sản lấy tiền trả nợ.

Để thực hiện ý định, O lợi dụng sơ hở của bảo vệ, đã lấy chìa khóa của công ty gồm các tầng 2, 4, 5 đưa cho Võ Thị Cẩm T (T không rõ mục đích) nhờ đi làm giùm 01 bộ chìa mới. O đưa các chìa khóa mới cho M và hướng dẫn sơ đồ các phòng của công ty cho M biết và tiếp tục mượn 01 máy hàn điện của ông Trần Ngọc Minh để đưa cho M phá kết sắt nhưng nói dối là để làm việc nhà. O bàn với M sẽ chọn ca trực bảo vệ của ông Nguyễn Văn Đức để đột nhập vào công ty. M đồng ý và chuẩn bị gồm: 01 máy hàn, 10 que hàn; 01 con dao cán màu đen, dài khoảng 20 cm; 01 cây xà beng dài 60 cm có một đầu dẹp, một đầu nạy 02 chấu; 01 cây xà beng dài 70 cm có một đầu dẹp, một đầu nạy 02 chấu; 02 sợi dây dù màu đen dài 70 cm; 01 cuộn băng keo trong; 01 sợi dây xích dài 03 mét có ổ khóa cho vào 02 chiếc ba lô. Khoảng 05 giờ ngày 23/01/2019, M nhờ Võ Thị L điều khiển xe gắn máy loại Wave, màu đỏ, biển số: 51L5 – 3255 chở M và O đi từ phòng trọ ở Bình Chánh đến giao lộ Đường 41 - Khánh Hội, Quận 4. Sau đó, O và M đi bộ đến Công ty cổ phần truyền thông số 1.

Khi đi gần đến công ty, M đứng đợi bên ngoài còn O đi vào công ty giả vờ làm việc bình thường. Khoảng 05 giờ 10 phút cùng ngày, O lợi dụng sơ hở của anh Đức đã ra hiệu cho M lên vào công ty và đi thang máy lên sân thượng ẩn nấp. Thời gian này nhân viên của công ty truyền thông ở lại công ty làm việc ban đêm nhiều, nên M chưa thực hiện được việc chiếm đoạt tài sản, tiếp tục phải ẩn nấp trên sân thượng, hàng ngày O là người đưa đồ ăn và mền cho M sử dụng để chờ cơ hội. Trong thời gian này, O có nói cho Võ Thị Cẩm T biết việc M đang ở trong công ty (nhưng không biết rõ mục đích của M), T có 02 lần mang cơm đến đưa cho O để O mang vào công ty đưa cho M ăn.

Đến trưa ngày 29/01/2019, O lên tầng thượng gặp M và thông báo cho M biết ca trực tối của ông Hà Văn Thêm, sinh năm 1956, là người có thể trạng ốm để M quyết định sẽ thực hiện việc không chế chiếm đoạt tài sản. Khoảng 22 giờ 55 phút cùng ngày, M đi từ trên tầng thượng xuống, thấy ông Thêm đang nằm ngủ nên dùng dao không chế dẫn ông Thêm lên tầng 5 dùng dây dù và băng keo trói ngược tay của ông Thêm ra phía sau rồi tiếp tục dẫn xuống tầng 1 dùng dây xích đã chuẩn bị sẵn xích chân ông Thêm vào lan can của tầng 1.

Sau khi đã không chế được bảo vệ, M dùng máy hàn phá khóa phòng kế toán công ty tại tầng 1 để vào bên trong, nhìn thấy có 03 cái két sắt, M dùng máy hàn phá két sắt lớn lấy được một số tài sản gồm: số tiền 19.600.000 đồng của công ty và 5.000.000 đồng; 01 mặt đá khắc hình con Tỳ Hưu và 03 chỉ vàng (gồm 02 nhẫn loại 0,5 chỉ một chiếc và 02 nhẫn loại 01 chỉ) của bà Kiều Mỹ

Trang là kế toán của công ty. Do sợ hết thời gian sẽ bị phát hiện nên M lấy 01 kết sắt nhỏ đưa vào thang máy chuyển xuống tầng trệt và đi bằng cầu thang bộ xuống sau. Tại tầng trệt, M nhìn thấy xe gắn máy loại Wave, biển số 52P6 – 9087 của ông Thêm đang dựng nên lục tủ bảo vệ lấy chìa khóa xe của ông Thêm và lấy luôn 01 đồng hồ hiệu Citizen; 01 nhẫn kiểu của nam có hình đầu rồng để chung với nhau trong tủ bảo vệ bỏ vào túi quần, rồi lấy kết sắt để lên yên xe của ông Thêm dùng băng keo quấn lại chạy xe ra ngoài.

Sau khi ra khỏi công ty, M dùng bộ điều khiển khóa cửa lại và chở toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt được về phòng trọ gặp O, L và Tú. Lúc này, O, L và T hỗ trợ M khiêng kết sắt vào trong nhà và đóng cửa lại. M tiếp tục dùng máy hàn phá kết sắt, nhưng bên trong chỉ có giấy tờ và 02 con dấu của công ty. M đã đưa cho O 02 chiếc nhẫn vàng loại 0,5 chỉ một chiếc, 01 mặt đá khắc hình con Tỳ Hưu. O lấy 02 nhẫn vàng này đưa cho T vì trước đó có nợ T 01 chỉ vàng và nhờ giữ giùm 01 mặt đá khắc hình con Tỳ Hưu, T đưa cho L cất giữ. L đã gửi 02 chiếc nhẫn vàng cho Đỗ Thị Tuyết ở Quận B giữ dùm; O đếm tiền do M chiếm đoạt được khoảng 23.000.000 đồng cùng 01 số tờ tiền bị cháy xém (khoảng 1.600.000 đồng) khi M dùng máy hàn phá kết sắt và đã đưa lại toàn bộ số tiền cho M cất giữ. Riêng số tiền khoảng 1.600.000 đồng bị cháy xém, M cho Võ Thị L. Sau đó, M cùng với O bỏ toàn bộ giấy tờ, con dấu, bộ điều khiển của của Công ty truyền thông số 1 vào 01 túi nylon. M cùng với Võ Thị Cẩm T sử dụng xe gắn máy loại Wave, biển số 52P – 9087 chiếm đoạt được của ông Thêm chở kết sắt cùng túi nylon đi đến cầu Ông Lớn huyện D vớt xuống sông. M chở T về phòng trọ rồi một mình điều khiển xe của ông Thêm đi đến gần trạm thu phí gần cầu Ông Lớn, trên đường Nguyễn Văn Linh, huyện D bỏ lại xe bên đường và đón xe Honda ôm trở về phòng trọ rồi mượn xe máy hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ - đen – xám, biển số: 54L5 – 1044 của L để bỏ trốn.

Qua xác minh, tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Đàm Thị Thu H khai nhận như trên. Đồng thời khai nhận, việc M và bị cáo bàn nhau cướp tài sản thì L và T đều biết, bị cáo nhiều lần làm thêm bộ chìa khóa cửa của công ty để đưa cho M nhằm mục đích khi nào có thời cơ thuận lợi sẽ đột nhập vào công ty cướp tài sản. L, T đều biết M phạm tội nên khi M chở kết sắt về nhà trọ thì T và L đã chờ sẵn ở nhà và mở cửa cho M. Tiền, vàng do M cướp được bị cáo có đưa cho T 02 chiếc nhẫn vàng loại 0,5 chỉ một chiếc và 01 mặt đá có khắc hình con Tỳ Hưu để trả nợ số vàng mà bị cáo thiếu Tú. Số tiền 1.600.000 đồng bị cháy xém do M dùng máy hàn phá kết sắt thì M đưa cho L xài. T là người đã cùng M đi vớt kết sắt. Sau khi thực hiện xong vụ cướp, bị cáo có nói rõ cho L và T biết là M đã cướp tài sản của công ty nên nếu Công an có đến tìm thì nói không biết gì hết và nhớ nói M không ở đây.

Ngày 23/3/2019, Huỳnh M bị bắt giữ và khai nhận: số tài sản mà M đã chiếm đoạt được gồm: số tiền khoảng 23.000.000 đồng M; 01 đồng hồ hiệu Citizen chiếm đoạt của ông Thêm đã vớt bỏ ở cầu Phú Mỹ, Quận 7; 01 nhẫn vàng có hình đầu rồng chiếm đoạt của ông Thêm, M đưa cho O đi bán ở khu vực Quận 7 (không nhớ địa chỉ) được 2.700.000 đồng và O đã đưa toàn bộ số tiền này cho M; 02 nhẫn vàng loại 01 chỉ một chiếc, M bán ở khu vực huyện D

(không nhớ địa chỉ) được 7.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được, M trả nợ và tiêu xài hết.

Võ Thị Cẩm T và Võ Thị L khai nhận: Vào khoảng 12 giờ ngày 30/01/2019, sau khi M và O thực hiện hành vi phạm tội, O đã nói với L và T về việc M cướp tài sản tại Công ty cổ phần truyền thông số 1 và kêu L và T không khai báo khi công an hỏi. Sau khi được O cho biết sự việc, T và L đã không chủ động giao nộp lại tài sản do M chiếm đoạt mà có gồm: số tiền 1.600.000 đồng bị cháy xém do M cho, L đã tiêu xài được 200.000 đồng; 02 chiếc nhẫn vàng loại 0,5 chỉ một chiếc và 01 mặt đá có khắc hình con Tỳ Hưu. T và L đã không khai báo hành vi của M khi Cơ quan cảnh sát điều tra ghi lời khai ban đầu.

Võ Thị L thừa nhận O có dặn không nói gì khi công an đến tìm M nên L không nói cho công an biết. Khi M và O đưa tiền cho bị cáo thì bị cáo lấy xài. Bị cáo có thấy M chở kết sắt về và chứng kiến M lấy máy hàn phá kết sắt nhưng bị cáo không biết vàng và tiền do M cướp mà có được.

Võ Thị Cẩm T trình bày: T và L ở chung nhà trọ với M và O, khi thấy M chở kết sắt về nhà trọ thì có nhìn thấy M dùng máy hàn để phá kết sắt nhưng không biết kết sắt do M cướp được. Và có nhận 2 chiếc nhẫn vàng loại 0,5 chỉ và mặt đá có khắc hình con Tỳ Hưu do O trả. Sau đó, M có chở T đi vứt kết sắt bên cầu Ông Lớn nhưng không biết lý do M vứt. O có dặn mẹ con T không được nói gì khi có công an vào hỏi M nên đã không trình báo sự việc cho công an.

Tại bản kết luận số 15/KL - HĐĐG ngày 25/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Quận 4 kết luận: 01 (một) kết sắt có kích thước (120x40x65 cm) đã qua sử dụng không xác định được giá trị; 01(một) kết sắt có kích thước (40x30x35 cm) đã qua sử dụng không xác định được giá trị; 01(một) xe gắn hiệu Honda, máy loại Wave, màu đỏ - đen; số khung: HC09026Y – 326065, số máy: HC09E – 6326191, biển số: 52P6 – 9087 đã qua sử dụng, có giá trị là 5.000.000 (Năm triệu) đồng; 01(một) đồng hồ đeo tay hiệu Citizent, đã qua sử dụng có giá trị là 1.850.000 (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng; 01(một) chiếc nhẫn vàng 18K có trọng lượng 1,5 chỉ có giá trị là 3.975.450 (Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi) đồng; 02 con dấu có khắc chữ ký của Nguyễn Hà Thanh có kích thước 3x7cm đã qua sử dụng không xác định được giá trị; 05 chỉ vàng 9999 mua năm 2018 đã qua sử dụng có giá trị là 18.325.000 (Mười tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng; 01(một) mặt đá có khắc hình con Tỳ Hưu đã qua sử dụng không xác định được giá trị.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 94/2019/HSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T phạm tội “Che giấu tội phạm”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Võ Thị L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Võ Thị Cẩm T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/12/2019, các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 4 xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Trong vụ án này, còn có các bị cáo Đàm Thị Thu H, Huỳnh M bị xử phạt từ 08 đến 10 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự, nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T đã thừa nhận những hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo Võ Thị L xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với lý do bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định; gia đình có hoàn cảnh khó khăn đang phải nuôi cháu ngoại, bản thân bị cáo bị nhiều bệnh, sức khỏe yếu. Bị cáo Võ Thị Cẩm T cũng xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với lý do có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đang phải nuôi con nhỏ mới 06 tuổi, mẹ bị cáo cũng là bị cáo bị xét xử trong vụ án, nếu bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì con của bị cáo không có người chăm sóc.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật để xử phạt các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T về tội “Che giấu tội phạm” theo điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo trong thời gian hợp lệ. Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và nêu hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang phải nuôi con nhỏ, mong muốn được hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và nêu hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang phải nuôi con nhỏ, mong muốn được hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và cho các bị cáo được hưởng án treo. Trong vụ án này, cả hai bị cáo có vai trò thấp, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là mẹ con ruột, hiện nay bị cáo T có công việc ổn định, đang là người duy nhất nuôi con nhỏ mới 06 tuổi, bị cáo L không có khả năng lao động, sức khỏe yếu. Các bị cáo có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và có đăng ký tạm trú tại phường Bình Hưng, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện có nơi cư trú rõ ràng. Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào các quy định của pháp luật thì các bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo,

sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Minh Hưng trình bày bài bào chữa cho các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T thống nhất về tội danh đã truy tố, xét xử và đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm: bị cáo T có bổ sung xác nhận hiện đang là nhân viên bán hàng cho Công ty TNHH YAKULT VIỆT NAM, thu nhập ổn định có sao kê bảng lương kèm theo, bị cáo là lao động duy nhất đang phải nuôi con nhỏ 06 tuổi và phụng dưỡng mẹ bị cáo. Các bị cáo nhận thức pháp luật kém nên không tố giác ngay hành vi phạm tội của Tuấn Anh và Thủy, dẫn đến bị xử lý hình sự. Sau khi được điều tra viên giải thích, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã hợp tác với cơ quan tố tụng trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, nên đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 3, Điều 36, Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cho các bị cáo được hưởng án treo để lao động nuôi con nhỏ.

Các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T đồng ý với bài bào chữa của vị luật sư, không tranh luận bổ sung.

Đôi đáp lại quan điểm của luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: luật sư cho rằng các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không phù hợp vì tình tiết này chỉ được áp dụng cho việc các bị cáo tố giác hành vi phạm tội khác, việc các bị cáo khai báo hành vi của chính mình thì chỉ được xem là thành khẩn khai báo. Về hình phạt cải tạo không giam giữ mà luật sư đề nghị là không có căn cứ, không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

Trong phần nói sau cùng, các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T đều thể hiện thái độ hối hận, mong được Hội đồng xét xử cho hưởng án treo, để có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận 4, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Cụ thể: Các bị cáo Võ Thị L và Võ Thị Cẩm T khi biết được Huỳnh M và Đàm Thị Thu H trước đó đã thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản” của Công ty cổ phần truyền thông số 1 tại số 226 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4 vào ngày 23/01/2019 thì đã có các hành vi che giấu và nhận tiền, vàng là những tài sản phạm pháp mà M và O có được. Khi M chở kết sắt về nhà trọ thì T và L đã chờ sẵn ở nhà và mở cửa cho M vào và chứng kiến việc M phá kết sắt; L đã nhận số tiền 1.600.000 đồng; T đã nhận 02 chiếc nhẫn vàng loại 0,5 chỉ một chiếc và 01 mặt đá có khắc hình con Tỳ Hưu và giúp M đi vớt kết sắt. Đồng thời, L và T đã không khai báo sự việc khi cơ quan điều tra lấy lời khai ban đầu, cố tình che giấu, mặc dù trước đó O đã nói rõ cho L và T biết là M đã cướp tài sản của công ty truyền thông số 1.

Các bị cáo Võ Thị L và Võ Thị Cẩm T đã cố tình che dấu, không khai báo khi cơ quan công an điều tra, gây khó khăn trong quá trình điều tra vụ án, hỗ trợ cho các bị cáo khác nhằm xóa bỏ dấu vết, tang vật phạm tội.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của các bị cáo khác, vật chứng thu giữ, kết luận giám định... Với hành vi che giấu tội phạm “Cướp tài sản” quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T phạm tội “Che giấu tội phạm” theo điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm T các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T đang nuôi con nhỏ (06 tuổi) theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đã xem xét, đánh giá tính chất mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Từ đó xử phạt bị cáo Võ Thị L với mức án 01 (một) năm tù, bị cáo Võ Thị Cẩm T với mức án 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm của các bị cáo, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[4] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo mong muốn được giảm nhẹ hình phạt do đã cung cấp được Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký tạm trú không cấp sổ tạm trú (HK09) số 960/TB-CAX ngày 13/4/2019 của Công an xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung Công an xã C có tiếp nhận hồ sơ đăng ký tạm trú của bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1993, tại địa chỉ C13/16QC10, Tổ 240, Ấp 5A, xã C, huyện D; Võ Thị L, sinh năm 1970 và Võ Huỳnh Hoàng Vân sinh năm 2013. Công an xã C tiếp nhận hồ sơ đăng ký tạm trú, nhưng không cấp sổ (HK09). Lý do: không có giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp tại nơi đăng ký tạm trú. Đây là tài liệu thể hiện các bị cáo có nơi cư trú, thực tế các bị cáo vẫn đang sinh sống ở địa chỉ C13/16QC10, Tổ 240, Ấp 5A, xã C, huyện D. Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với bị cáo Võ Thị L trình bày mất sức lao động nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước trong tiến trình tố tụng hình sự, gây cản trở cho quá trình điều tra, truy bắt tội phạm mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo đối với bị cáo L là phù hợp nên giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo T do bị cáo đang trực tiếp và là người duy nhất lao động nuôi dưỡng con còn nhỏ, căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự, để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo và nuôi con, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị L, không chấp nhận quan điểm của vị luật sư và đề nghị của vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa, giữ nguyên mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Cẩm T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo Võ Thị Cẩm Tú không phải chịu, bị cáo Võ Thị L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị L, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Cẩm T, sửa bản án sơ thẩm số 94/2019/HSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 4.

Tuyên bố các bị cáo Võ Thị L, Võ Thị Cẩm Tú phạm tội “Che giấu tội phạm”.

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Võ Thị L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Võ Thị Cẩm T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Võ Thị Cẩm T cho Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý

vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Võ Thị L phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Võ Thị Cẩm T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích án treo).

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|----------|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - VKSND Quận 4; | (1) |
| - CC THA Quận 4; | (1) |
| - Bị cáo; | (2) |
| - TAND Quận 4; | (2) |
| - Công an Quận 4; | (1) |
| - Phòng PC 53-CA TP.HCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Sở tư pháp; | (1) |
| - Luật sư; | (1) |
| - Lưu, hình sự, hồ sơ | (22) (5) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Nguyễn